



Số : ...103.../HEID-CV
V/v: Công bố BCTC hợp nhất năm 2022

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, P.Cát Linh, Q.Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam
4. Điện thoại: 024.35123939 – Fax: 024.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thành Anh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 27/03/2023).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BTGD, KTT, BKS Công ty
- Lưu TCHC TH;

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



LÊ THÀNH ANH



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

GIÁO DỤC HÀ NỘI

Số: .../04.../HEID - CV

V/v: Giải trình chênh lệch LNST trong BCTC

Hợp nhất năm 2022 so với năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Trong đó một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 có tăng hơn so với cùng kì năm 2021 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

Năm 2022, việc đẩy mạnh công tác phát hành sách và có thêm các sản phẩm mới của công ty mẹ cùng với việc tăng doanh thu tại công ty con đã làm doanh thu hợp nhất năm 2022 tăng 30.3% so với cùng kì năm 2021. Đồng thời việc hoàn nhập các khoản dự phòng và thanh lý tài sản hết khấu hao của công ty mẹ làm doanh thu khác cũng tăng, dẫn đến lợi nhuận hợp nhất sau thuế năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021 (chênh lệch trên 10%).

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT
- Lưu TCHC



Lê Thành Anh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	05 - 35
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	09 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Chí Bình	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Ông Lê Thành Anh	Ủy viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Ủy viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Dương Thị Việt Hà	Ủy viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Nguyễn Thanh Bình	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2023)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2023)
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Công Dũng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Ông Phan Đức Minh	Ủy viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Chay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 27 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÀNG KIỂM TOÁN
AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023



Nguyễn Trường Minh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		463.615.167.013	427.158.159.224
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	193.454.202.777	196.909.890.107
111	1. Tiền		13.454.202.777	16.909.890.107
112	2. Các khoản tương đương tiền		180.000.000.000	180.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	5.958.000	27.780.900
121	1. Chứng khoán kinh doanh		97.276.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(91.318.400)	(90.995.500)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		84.551.711.393	91.083.416.503
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	73.006.592.018	78.534.996.110
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	26.073.269.519	22.483.089.312
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.678.463.154	9.129.609.244
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.206.613.298)	(19.064.278.163)
140	IV. Hàng tồn kho	9	170.624.610.499	129.929.964.622
141	1. Hàng tồn kho		196.192.623.935	151.137.245.223
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(25.568.013.436)	(21.207.280.601)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14.978.684.344	9.207.107.092
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	13.989.618.578	8.496.433.543
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		26.191.674	106.519.241
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	962.874.092	604.154.308
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		79.662.014.024	78.240.801.545
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	381.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	381.800.000	381.800.000
220	II. Tài sản cố định		4.653.866.869	2.650.061.345
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.653.866.869	2.650.061.345
222	- Nguyên giá		13.716.256.744	12.814.878.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.062.389.875)	(10.164.817.419)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	49.729.523.318	53.219.314.418
231	- Nguyên giá		87.244.777.643	87.244.777.643
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(37.515.254.325)	(34.025.463.225)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	20.857.208.499	21.180.367.535
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		18.644.708.499	17.967.867.535
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	2.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.039.615.338	809.258.247
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	4.039.615.338	179.494.199
269	2. Lợi thế thương mại	13	-	629.764.048
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		543.277.181.037	505.398.960.769

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		166.677.629.064	173.523.943.264
310	I. Nợ ngắn hạn		164.943.710.128	171.387.911.811
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	50.619.242.247	65.938.711.916
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		126.922.582	615.096.155
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	8.369.099.173	7.612.315.007
314	4. Phải trả người lao động		47.591.875.126	29.312.221.831
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	41.225.435.101	40.376.949.296
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		86.203.636	157.146.818
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	2.340.901.294	3.748.934.623
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	-	14.606.710.258
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.584.030.969	9.019.825.907
330	II. Nợ dài hạn		1.733.918.936	2.136.031.453
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.212.456.800	1.523.730.600
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31	521.462.136	612.300.853
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		376.599.551.973	331.875.017.505
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	376.599.551.973	331.875.017.505
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.934.655.948	1.934.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		118.363.948.495	98.722.360.020
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		26.992.414.851	23.543.313.176
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		77.527.331.060	56.013.832.458
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.770.447.334	20.417.258.918
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		53.756.883.726	35.596.573.540
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.781.201.619	1.660.855.903
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		543.277.181.037	505.398.960.769



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	1.029.507.265.297	813.212.428.129
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	15.286.155.468	34.382.929.571
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.014.221.109.829	778.829.498.558
11	4. Giá vốn hàng bán	23	732.414.523.113	562.296.680.100
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		281.806.586.716	216.532.818.458
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	8.503.234.347	7.098.358.337
22	7. Chi phí tài chính	25	5.791.433.443	6.954.052.938
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		316.049.097	2.529.730.610
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		676.840.964	1.073.798.241
25	9. Chi phí bán hàng	26	105.371.088.340	81.713.316.032
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	90.526.387.698	70.893.375.657
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		89.297.752.546	65.144.230.409
31	12. Thu nhập khác	28	10.884.574.474	1.033.938.633
32	13. Chi phí khác	29	7.007.400.593	45.317.456
40	14. Lợi nhuận khác		3.877.173.881	988.621.177
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		93.174.926.427	66.132.851.586
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	18.540.925.651	17.028.559.869
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	(90.838.717)	(392.616.152)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>74.724.839.493</u>	<u>49.496.907.869</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		74.451.493.777	49.313.533.548
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		273.345.716	183.374.321
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32		2.827


Lương Ngọc Bích
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		93.174.926.427	66.132.851.586
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.477.777.042	2.955.465.653
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		4.985.127.604	6.485.374.111
03	- Các khoản dự phòng		5.503.390.870	2.000.773.348
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(9.326.790.529)	(8.060.412.416)
06	- Chi phí lãi vay		316.049.097	2.529.730.610
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		94.652.703.469	69.088.317.239
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.466.969.342)	(24.905.309.133)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(45.055.378.712)	7.364.813.249
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		1.098.895.509	32.484.134.355
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.353.306.174)	(159.606.388)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		21.500.000	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(324.532.993)	(2.562.833.975)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.956.605.956)	(11.968.746.680)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.783.099.963)	(5.633.988.814)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		17.833.205.838	63.706.779.853
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.869.377.980)	(2.514.482.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.545.554.545	618.181.818
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.000.000.000	10.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.294.640.525	7.090.495.372
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.970.817.090	15.194.195.190
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		34.070.164.673	175.741.767.464
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(48.676.874.931)	(212.586.505.198)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(19.653.000.000)	(18.102.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(34.259.710.258)	(54.946.737.734)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.455.687.330)	23.954.237.309
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		196.909.890.107	172.955.652.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	193.454.202.777	196.909.890.107



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102222393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 04 năm 2007 và các lần thay đổi, đến nay lần cấp thay đổi gần nhất (lần thứ 4) vào ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh của Công ty tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Địa chỉ giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 156 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 138 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Năm học 2022-2023, là năm học đầu tiên các bộ Sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 (theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018) được đưa vào giảng dạy, học tập trên cả nước khiến cho số lượng phát hành của công ty về sách mới gồm sách giáo khoa và các xuất bản phẩm tăng mạnh. Ngoài ra, do đây là bộ sách theo chương trình giáo dục phổ thông mới lần đầu được đưa vào giảng dạy nên Công ty phải tăng cường tổ chức công tác tập huấn, hướng dẫn giảng dạy, sử dụng sách mới cho giáo viên và học sinh để phát huy được hiệu quả khai thác, sử dụng bộ sách, đồng thời cũng để góp phần duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến sản lượng và doanh thu phát hành sách của Công ty tăng mạnh đồng thời các chi phí bán hàng như chi phí tập huấn giới thiệu sách và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng so với kỳ trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty CP Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua rẻ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng kỳ thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Công ty điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết phát sinh trong kỳ, Công ty loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên kết kỳ báo cáo. Sau đó, Công ty điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư việc dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ đối với hoạt động kinh doanh sách: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 02 năm |
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03 - 05 năm |

2.10 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 12 - 25 năm

2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 24 tháng.

Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác,... được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng,

phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	900.681.206	1.434.441.285
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.553.521.571	15.475.448.822
Các khoản tương đương tiền (i)	180.000.000.000	180.000.000.000
	193.454.202.777	196.909.890.107

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng có giá trị 180.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội với lãi suất 6%/năm.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư dài hạn				
Trái phiếu (i)	1.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	1.000.000.000	-	2.000.000.000	-

(i) Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là giá trị của 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi. Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã mua lại trước hạn 100 trái phiếu phát hành năm 2017.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã CK	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết		97.000.000	5.910.000	(91.090.000)	97.000.000	22.853.400	(74.146.600)
- Công ty CP Sông Đà - Thăng Long	STL	74.600.000	1.830.000	(72.770.000)	74.600.000	14.853.400	(59.746.600)
- Công ty CP Hồng Hà Việt Nam	PHH	22.400.000	4.080.000	(18.320.000)	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)
Cổ phiếu đã niêm yết		276.400	48.000	(228.400)	21.776.400	4.927.500	(16.848.900)
- Công ty CP Mía đường Lam Sơn	LSS	-	-	-	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)
- Công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh	QNC	276.400	48.000	(228.400)	276.400	40.000	(236.400)
		97.276.400	5.958.000	(91.318.400)	118.776.400	27.780.900	(90.995.500)

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 12 năm 2022. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 30 tháng 12 năm 2022 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Địa chỉ	31/12/2022			01/01/2022		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
		%	%	VND	%	%	VND
Đầu tư vào công ty liên kết				18.644.708.499			17.967.867.535
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	18.644.708.499	46,34%	46,34%	17.967.867.535
				18.644.708.499			17.967.867.535

Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500235786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 04 năm 2006 và cấp thay đổi lần gần nhất (lần 3) vào ngày 08 tháng 11 năm 2018. Vốn điều lệ của công ty này là 20.500.000.000 VND. Hoạt động kinh doanh chính của công ty là: kinh doanh sách giáo khoa; sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học và đồ dùng gia đình; in ấn và phát hành các xuất bản phẩm giáo dục, văn hóa; cho thuê văn phòng, mua bán đại lý các xuất bản phẩm, văn hóa phẩm.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã CK	31/12/2022		01/01/2022	
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác					
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	EPH	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		1.212.500.000	-	1.212.500.000	-

Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư nêu trên.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan</i>	19.874.781.274	(3.492.776.184)	6.918.697.750	(2.207.677.120)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	4.954.467.868	(3.139.314.196)	3.139.314.196	(2.207.677.120)
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	92.668.041	-	485.807.099	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	5.742.977.421	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	-	232.156.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Điện Biên	1.178.206.627	(353.461.988)	500.816.496	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	4.939.606.093	-	-	-
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	-	-	1.050.114.520	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	148.182.365	-	-	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.818.672.859	-	1.373.029.069	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	137.460.370	-
<i>Bên khác</i>	53.131.810.744	(12.858.812.498)	71.616.298.360	(7.580.398.437)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	(8.904.091.464)	10.825.671.000	(3.247.701.300)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	1.812.912.013	(543.873.604)	2.611.685.703	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Hà Nội	-	-	2.815.650.491	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Quảng Ninh	3.634.309.801	-	17.731.581	-
Các khách hàng khác	37.858.824.318	(3.410.847.430)	55.345.559.585	(4.332.697.137)
	73.006.592.018	(16.351.588.682)	78.534.996.110	(9.788.075.557)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	16.518.089.247	-	9.955.398.435	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.476.035.165	(3.833.224.616)	5.476.035.165	(2.604.896.067)
Trả trước cho người bán khác	4.079.145.107	(21.800.000)	7.051.655.712	(21.800.000)
	26.073.269.519	(3.855.024.616)	22.483.089.312	(2.626.696.067)

7 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	550.619.178	-	-	-
Phải thu về tạm ứng	4.606.851.377	-	1.096.472.837	-
Ký cược, ký quỹ	252.911.400	-	257.911.400	-
Phải thu khác	268.081.199	-	7.775.225.007	(6.649.506.539)
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (i)	-	-	6.649.506.539	(6.649.506.539)
- Các khoản phải thu khác	268.081.199	-	1.125.718.468	-
	5.678.463.154	-	9.129.609.244	(6.649.506.539)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	381.800.000	-
	381.800.000	-	381.800.000	-
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	-	-	6.649.506.539	(6.649.506.539)
	-	-	6.649.506.539	(6.649.506.539)

(i) Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty CP Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất.

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội, Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc và chủ đầu tư (Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng phần vốn góp vào dự án, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn.

Trong năm 2022, Công ty đã ký kết hợp đồng số 117/2022/HĐCNV/HEID-VSM ngày 15 tháng 08 năm 2022 để chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong dự án cho Công ty CP Đầu tư

Thương mại và Dịch vụ VSM và hoàn thành chuyển nhượng vào ngày 26 tháng 09 năm 2022 với giá chuyển nhượng là 7.900.100.000 VND (Thuyết minh 28 và 29).

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.139.314.196	-	3.139.314.196	931.637.076
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	9.825.764.612	921.673.148	10.825.671.000	7.577.969.700
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	-	-	6.649.506.539	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.476.035.165	1.642.810.549	5.476.035.165	2.871.139.098
Các đối tượng khác	10.014.103.798	5.684.120.776	7.820.211.515	3.465.714.378
	28.455.217.771	8.248.604.473	33.910.738.415	14.846.460.252

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty vẫn đang thực hiện các biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	76.968.223.075	-	40.480.001.919	-
Công cụ, dụng cụ	1.586.025	-	1.586.025	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	34.731.733.638	-	24.076.220.355	-
Thành phẩm	35.852.194.129	(17.441.264.917)	38.931.314.394	(21.207.280.601)
Hàng hoá	44.854.051.268	(8.126.748.519)	23.168.363.497	-
Hàng gửi đi bán	3.784.835.800	-	24.479.759.033	-
	196.192.623.935	(25.568.013.436)	151.137.245.223	(21.207.280.601)

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	5.878.118.068	6.452.071.878
Chi phí thuê cửa hàng, thuê kho chờ phân bổ	3.740.127.273	.246.400.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.746.912.097	1.797.961.665
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.624.461.140	-
	13.989.618.578	8.496.433.543
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.970.567.338	-
Chi phí mua bản quyền in sách	69.048.000	179.494.199
	4.039.615.338	179.494.199

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	351.270.739	10.993.870.697	1.469.737.328	12.814.878.764
- Mua trong kỳ	-	2.735.132.525	134.245.455	2.869.377.980
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.968.000.000)	-	(1.968.000.000)
Số dư cuối kỳ	351.270.739	11.761.003.222	1.603.982.783	13.716.256.744
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	351.270.739	8.699.530.353	1.114.016.327	10.164.817.419
- Khấu hao trong kỳ	-	685.245.084	180.327.372	865.572.456
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.968.000.000)	-	(1.968.000.000)
Số dư cuối kỳ	351.270.739	7.416.775.437	1.294.343.699	9.062.389.875
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	-	2.294.340.344	355.721.001	2.650.061.345
Tại ngày cuối kỳ	-	4.344.227.785	309.639.084	4.653.866.869

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 8.221.150.946 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 7.841.373.389 VND).

12 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là Tòa nhà Văn phòng HEID tại K3B ngõ 12, Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, có Nguyên giá là 87.244.777.643 VND; Hao mòn lũy kế là 37.515.254.325 VND; khấu hao trong năm là 3.489.791.100 VND.

Bất động sản đầu tư này đang được sử dụng để kinh doanh cho thuê văn phòng và được dùng để đảm bảo cho Hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

13 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua các công ty con, gồm: Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công và Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với tổng giá trị là 25.350.887.386 VND, trong đó:

- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công với giá trị 25.190.561.959 VND được phân bổ trong vòng 10 năm (120 tháng) kể từ ngày phát sinh. Lợi thế thương mại còn lại đã được phân bổ hết vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm nay;
- Lợi thế thương mại phát sinh tại ngày mua Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn với giá trị 160.325.427 VND được phân bổ toàn bộ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm 2019.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	21.408.211.113	21.408.211.113	6.696.679.739	6.696.679.739
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	21.402.679.613	21.402.679.613	6.090.827.961	6.090.827.961
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	5.531.500	5.531.500	538.678.001	538.678.001
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	-	-	67.173.777	67.173.777
Bên khác	29.211.031.134	29.211.031.134	59.242.032.177	57.425.891.851
Công ty TNHH Phần Mềm và Giải Pháp Sao Khuê	-	-	14.920.761.650	14.920.761.650
Công ty TNHH Kiến Tạo và Kiệt Tác	1.341.625.482	1.341.625.482	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	27.869.405.652	27.869.405.652	44.321.270.527	42.505.130.201
	50.619.242.247	50.619.242.247	65.938.711.916	64.122.571.590

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.123.523.140	3.022.468.862	3.693.330.871	83.783.782	536.444.913
Thuế thu nhập doanh nghiệp	387.701.595	5.900.834.924	18.540.925.651	16.956.605.956	-	7.097.453.024
Thuế thu nhập cá nhân	211.609.713	587.956.940	7.180.270.135	7.695.663.439	874.247.310	735.201.233
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	539.172.928	539.172.928	-	-
Các loại thuế khác	4.843.000	3	16.967.044	16.967.044	4.843.000	3
	604.154.308	7.612.315.007	29.299.804.620	28.901.740.238	962.874.092	8.369.099.173

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	8.483.896
Trích trước chi phí tổ chức bán thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	24.108.824.013	24.686.897.680
Chi phí phải trả nhà cung cấp	5.899.673.793	3.168.827.290
Trích trước chi phí bản quyền và dịch sách	6.094.200.964	8.363.702.149
Chi phí phải trả khác	5.122.736.331	4.149.038.281
	41.225.435.101	40.376.949.296

17 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	780.930.230	618.016.340
Bảo hiểm xã hội	2.611.064	1.311.064
Bảo hiểm y tế	4.998.491	4.764.491
Bảo hiểm thất nghiệp	726.219	2.228.536
Cổ tức lợi nhuận phải trả	14.000.000	14.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.537.635.290	3.108.614.192
	2.340.901.294	3.748.934.623
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.212.456.800	1.523.730.600
	1.212.456.800	1.523.730.600

18 VAY NGẮN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	14.606.710.258	14.606.710.258	24.526.423.963	39.133.134.221	-	-
- Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam (ii)	-	-	9.543.740.710	9.543.740.710	-	-
	14.606.710.258	14.606.710.258	34.070.164.673	48.676.874.931	-	-

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay ngắn hạn

- (i) Khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT106-HEID ngày 01 tháng 08 năm 2022 với hạn mức vay là 105 tỷ VND đến ngày 31 tháng 08 năm 2023; thời hạn vay được quy định trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 8 tháng kể từ ngày giải ngân; lãi vay thả nổi theo từng kế ước; hình thức đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam theo Hợp đồng số SHBHNC/HĐTD/790500000429 ngày 20 tháng 05 năm 2020 với Hạn mức tín dụng 32 tỷ VND đến hết ngày 19 tháng 05 năm 2022; thời hạn vay không quá 6 tháng và được quy định cụ thể tại từng đơn rút vốn vay kèm kế ước nhận nợ; lãi vay thả nổi theo từng kế ước; hình thức đảm bảo cho khoản vay là quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu.

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức khác đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	150.000.000.000	1.934.655.948	84.085.450.855	21.240.214.238	48.549.970.208	1.579.481.582	307.389.772.831
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	49.313.533.548	183.374.321	49.496.907.869
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(102.000.000)	(18.102.000.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.030.711.290	-	(10.030.711.290)	-	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(4.606.197.876)	-	(4.606.197.876)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(2.303.098.938)	-	(2.303.098.938)
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	4.606.197.875	2.303.098.938	(6.909.296.813)	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(366.381)	-	(366.381)
Số dư cuối kỳ trước	150.000.000.000	1.934.655.948	98.722.360.020	23.543.313.176	56.013.832.458	1.660.855.903	331.875.017.505
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	74.451.493.777	273.345.716	74.724.839.493
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(153.000.000)	(19.653.000.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.743.385.125	-	(12.743.385.125)	-	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	6.898.203.350	3.449.101.675	(10.347.305.025)	-	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(6.898.203.350)	-	(6.898.203.350)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	-	-	(3.449.101.675)	-	(3.449.101.675)
Số dư cuối kỳ này	150.000.000.000	1.934.655.948	118.363.948.495	26.992.414.851	77.527.331.060	1.781.201.619	376.599.551.973

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021 trên Báo cáo tài chính riêng		46.061.978.752
Đã tạm phân phối trong năm 2021 như sau:		13.818.593.627
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	4.606.197.875
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.606.197.876
- Trích quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.303.098.938
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.303.098.938
Phân phối phần lợi nhuận năm 2021 còn lại trong kỳ này:		32.243.385.125
- Trích quỹ đầu tư phát triển	27,7%	12.743.385.125
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.300 VND)	13%/cổ phần	19.500.000.000
Lợi nhuận năm 2021 còn lại chưa phân phối		-

Tạm phân phối lợi nhuận năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 05/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31 tháng 03 năm 2022:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2022 trên Báo cáo tài chính riêng		68.981.798.713
Đã tạm phân phối như sau:		20.694.610.050
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	6.898.203.350
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	6.898.203.350
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	5%	3.449.101.675
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	3.449.101.675
Lợi nhuận năm 2022 còn lại chưa phân phối		48.287.188.663

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	Tỷ lệ %	01/01/2022 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	11.667.000.000	7,78%	15.647.000.000	10,43%
Lê Xuân Lương	9.045.000.000	6,03%	4.382.000.000	2,92%
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.493.890.000	5,00%	7.581.890.000	5,05%
Các cổ đông khác	61.548.110.000	41,03%	62.143.110.000	41,43%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	14.000.000	14.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	19.653.000.000	18.102.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	19.653.000.000	18.102.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả trong kỳ	(19.653.000.000)	(18.102.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(19.653.000.000)	(18.102.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	14.000.000	14.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	118.363.948.495	98.722.360.020
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.992.414.851	23.543.313.176
	<u>145.356.363.346</u>	<u>122.265.673.196</u>

20 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty con hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	4.867.500.426	10.841.446.145
Từ 1 năm đến 5 năm	7.735.501.481	8.366.859.145
Trên 5 năm	-	141.586.909

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty mẹ và các công ty con có thuê địa điểm làm văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	2.112.250.707	2.089.363.636
Từ 1 năm đến 5 năm	4.257.318.182	6.716.727.273
Trên 5 năm	-	175.000.000

Ngoài ra, Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (công ty con) đã ký kết Hợp đồng thuê đất với UBND thành phố Hà Nội để thuê khu đất tại K3B, ngõ 6A, phố Thành Công, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, với diện tích đất thuê là 1.023 m²; mục đích sử dụng để xây dựng công trình văn phòng cho thuê; thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 08 năm 2009. Theo hợp đồng này, công ty con phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước;

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	3.601.087.801	3.601.087.801

21 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa	289.346.287.974	157.443.194.619
Doanh thu xuất bản phẩm, doanh thu khác	733.803.294.009	648.758.596.833
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng	6.357.683.314	7.010.636.677
	1.029.507.265.297	813.212.428.129
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	199.673.237.675	123.636.324.004

22 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	12.408.774.911	22.534.796.673
Hàng bán bị trả lại	2.877.380.557	11.848.132.898
	15.286.155.468	34.382.929.571

23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa	264.471.889.171	126.570.074.072
Giá vốn xuất bản phẩm, giá vốn khác	461.346.607.116	423.009.766.821
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	2.235.293.991	4.888.856.683
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.360.732.835	7.827.982.524
	732.414.523.113	562.296.680.100
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	439.652.356.046	250.104.602.593

24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.584.009.703	5.597.182.357
Lãi bán các khoản đầu tư	5.453.950	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.261.250.000	1.071.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.212.763	-
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.647.307.931	429.925.980
	8.503.234.347	7.098.358.337
Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 36)	1.261.250.000	1.071.250.000

25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	316.049.097	2.529.730.610
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	5.231.726.196	4.437.364.187
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	243.288.668	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	322.900	(13.053.400)
Chi phí tài chính khác	46.582	11.541
	5.791.433.443	6.954.052.938

26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	118.670.544	295.142.806
Chi phí nhân công	48.816.331.972	30.449.866.924
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	610.306.563	281.765.870
Chi phí khấu hao tài sản cố định	53.875.980	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.091.670.098	26.996.583.245
Chi phí khác bằng tiền	22.680.233.183	23.689.957.187
	105.371.088.340	81.713.316.032

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.331.018	251.845.947
Chi phí nhân công	33.497.379.779	21.102.281.437
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	829.249.769	562.518.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	811.696.476	429.338.270
Thuế, phí và lệ phí	548.574.472	554.297.922
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	1.142.335.135	(5.814.155.776)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.207.572.154	29.694.156.952
Chi phí khác bằng tiền	20.854.484.847	21.594.036.465
Lợi thế thương mại	629.764.048	2.519.056.196
	90.526.387.698	70.893.375.657

28 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	645.454.545	318.181.818
Thu nhập từ chuyển nhượng vốn đầu tư tại Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	7.900.100.000	-
Thu nhập khác	2.339.019.929	715.756.815
	10.884.574.474	1.033.938.633

29 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị vốn góp tại Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	6.740.864.683	-
Các khoản bị phạt	183.050.466	-
Các khoản khác	83.485.444	45.317.456
	7.007.400.593	45.317.456

30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại công ty mẹ	16.716.434.613	15.804.871.208
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) công ty con	1.824.491.038	1.223.688.661
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	18.540.925.651	17.028.559.869

31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	521.462.136	612.300.853
	521.462.136	612.300.853

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(90.838.717)	(392.616.152)
	(90.838.717)	(392.616.152)

32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	74.451.493.777	49.313.533.548
Các khoản điều chỉnh	(10.347.305.025)	(6.909.296.814)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khen thưởng Ban điều hành</i>	(10.347.305.025)	(6.909.296.814)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	64.104.188.752	42.404.236.734
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.274	2.827

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.416.509.637	215.895.185.288
Chi phí nhân công	82.709.043.121	54.573.515.066
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.439.556.332	844.284.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.355.363.556	3.966.317.915
Thuế, phí và lệ phí	548.574.472	615.786.109
Chi phí dự phòng	1.142.335.135	(5.814.155.776)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	200.708.714.489	193.350.660.138
Chi phí khác bằng tiền	43.691.890.152	45.282.458.087
Chi phí thương hiệu	629.764.048	2.519.056.196
	515.641.750.942	511.233.107.137

34 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- a) **Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**
 Toàn bộ số tiền vay nhận được phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.
- b) **Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**
 Toàn bộ số tiền vay đã trả trong kỳ phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	Cùng Tập đoàn (i)
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Cùng Tập đoàn (i)

- (i) Các đơn vị trực thuộc hoặc công ty con, công ty liên kết của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	199.673.237.675	123.636.324.004
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.750.032.519	6.309.372.493
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	97.430.894.385	75.389.899.084
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	6.651.359.690	2.416.160.991
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh	-	510.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	17.827.559.586	9.483.797.790
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	29.733.235.293	7.408.474.686
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	340.848.870	432.156.000
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	5.681.234.499	5.650.303.527
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	18.187.494.588	6.775.990.817
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	799.256.050	862.379.080
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	3.634.196.939	923.994.790
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	22.762.656	15.000.000
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	121.119.960	73.280.360
Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	13.894.538	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên	8.381.866.452	7.895.004.386
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	97.481.650	-
Mua hàng hóa dịch vụ	436.903.943.134	247.699.028.931
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.355.539.406	2.189.358.525
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	378.219.113.392	193.003.439.659
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	5.427.260.478	6.993.523.215
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	7.285.953.647	8.005.596.703
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	16.740.675.296	14.365.429.654
Công ty CP Sách Dân tộc	5.997.523.390	6.443.942.470
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh	957.141.869	5.926.994.368
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	1.921.063.894	1.799.690.351
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	3.725.998.321	1.203.826.618
Công ty CP Học liệu	1.850.000.000	2.680.000.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	78.934.117	102.215.495
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	40.064.861	493.179.890
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	200.984.404	361.191.850
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng	52.594.200	96.790.930
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	29.390.400	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	20.502.000	92.321.615
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam	2.656.600.919	3.238.802.727
Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định	-	90.032.251
Công ty CP Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.344.602.540	612.692.610
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng	2.748.412.912	2.405.573.662
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	1.161.272.728	1.161.272.728
Công ty CP In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội	1.587.140.184	1.244.300.934
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.261.250.000	1.071.250.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	121.250.000	121.250.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	1.140.000.000	950.000.000

Thu nhập từ quỹ điều hành và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Ông Phạm Văn Thắng	107.222.222	112.962.961
Ông Nguyễn Chí Bính	216.666.665	-
Ông Vũ Bá Khánh	-	293.073.036
Ông Lê Thành Anh	323.888.887	252.703.702
Bà Đỗ Thị Phương	-	16.296.296
Bà Dương Thị Việt Hà	237.222.223	369.148.149
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	237.222.223	74.074.075
Bà Nguyễn Thanh Bình	118.333.334	256.740.741
Ông Nguyễn Duy Hùng	168.888.889	37.999.999
Ông Phạm Quốc Cường	50.000.000	51.199.999
Ông Vũ Quang Thái	50.000.000	74.888.888
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	37.777.778	54.444.445
Ông Nguyễn Công Dũng	88.888.889	-
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	16.333.333	31.851.852
Ông Phan Đức Minh	58.555.554	31.851.852
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	42.222.221	-

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

37 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2023